TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 47/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Cao Văn U, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Cao Văn U.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Cao Văn U thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Cao Văn U thỏa thuận thống nhất giao con chung tên Cao Minh Đ, sinh ngày 27/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Cũng phù hợp với nguyện vọng của Cao Minh Đ muốn sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Kim T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia

đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Cao Văn U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Cao Văn U thỏa thuận thống nhất chia đôi tài sản chung là 07 con bò có giá trị là 120.000.000 đồng mỗi người được hưởng ½ với giá trị là 60.000.000 đồng, ông Cao Văn U được quyền quản lý 07 con bò hiện ông Cao Văn U đang quản lý và ông Cao Văn U có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T ½ giá trị với số tiền là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Cao Văn U thống nhất không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng và 1.500.000 đồng án phí chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.800.000 đồng theo biên lai thu số 0002707 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà Nguyễn Thị Kim T được nhận lại 150.000 đồng.

Ông Cao Văn U tự nguyện chịu 1.500.000 đồng án phí chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 - Vĩnh Long;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính